

Phụ lục 01

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT DỊCH TUẦN 34 NĂM 2025

(Từ ngày 20/8 đến hết ngày 26/8/2025)

TT	Khu vực		Số xuất huyết		T - C - M		Số rét		Số phát ban	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C
1	Chư Păh	<i>a</i>	4	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	21	0	5	0	0	0	97	1
2	Chư Prông	<i>a</i>	35	0	2	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	214	0	23	0	0	0	379	0
3	Chư Puh	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	33	0	5	0	0	0	167	0
4	Chư Sê	<i>a</i>	11	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	55	0	12	0	0	0	755	0
5	Đăk Đoa	<i>a</i>	16	0	1	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	101	0	15	0	0	0	464	0
6	Đăk Pơ	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	7	0	6	0	0	0	44	0
7	Đức Cơ	<i>a</i>	1	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	6	0	10	0	0	0	98	0
8	Ia Grai	<i>a</i>	5	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	54	0	7	0	0	0	110	0
9	Ia Pa	<i>a</i>	3	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	4	0	1	0	0	0	120	0
10	Kbang	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	2	0	15	0	0	0	140	0
11	Kông Chro	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	5	0	3	0	0	0	29	0
12	Krông Pa	<i>a</i>	3	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	39	0	2	0	0	0	320	0
13	Mang Yang	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	2	0
		<i>b</i>	7	0	8	0	0	0	95	0
14	Phú Thiện	<i>a</i>	25	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	159	0	8	0	0	0	303	0
15	Pleiku	<i>a</i>	30	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	210	0	39	0	0	0	327	0

TT	Khu vực		Sốt xuất huyết		T - C - M		Sốt rét		Sốt phát ban	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C
16	An Khê	a	1	0	0	0	0	0	2	0
		b	19	0	30	0	0	0	7	0
17	Ayun Pa	a	3	0	0	0	0	0	0	0
		b	31	0	4	0	0	0	53	0
18	Quy Nhơn	a	7	0	4	0	0	0	0	0
		b	117	0	55	0	0	0	263	0
19	Tuy Phước	a	8	0	2	0	0	0	0	0
		b	94	0	56	0	0	0	49	0
20	An Nhơn	a	4	0	0	0	0	0	0	0
		b	108	0	35	0	0	0	47	0
21	Phù Cát	a	1	0	0	0	0	0	0	0
		b	68	0	16	0	0	0	50	0
22	Phù Mỹ	a	1	0	1	0	0	0	1	0
		b	103	0	17	0	0	0	31	0
23	Hoài Nhơn	a	9	0	0	0	0	0	0	0
		b	138	0	57	0	0	0	10	0
24	Hoài Ân	a	2	0	0	0	0	0	0	0
		b	44	0	26	0	0	0	20	0
25	Tây Sơn	a	3	0	0	0	0	0	0	0
		b	74	0	21	0	0	0	25	0
26	Vân Canh	a	2	0	1	0	0	0	0	0
		b	12	0	33	0	0	0	2	0
27	An Lão	a	1	0	0	0	0	0	0	0
		b	21	0	4	0	0	0	1	0
28	Vĩnh Thạnh	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	30	0	9	0	0	0	33	0
Ngoại lai		a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	0	0	0	0	86	0
Toàn tỉnh		a	175	0	11	0	0	0	4	0
		b	1776	0	522	0	0	0	4125	1

(*): **a** là số mắc tuần này; **b** là số mắc cộng dồn từ đầu năm.

Phụ lục 02

TÌNH HÌNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 34 NĂM 2025

(Từ ngày 20/8 đến hết ngày 26/8/2025)

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Tổng cộng	BV trung tâm GL	Bồng Sơn	YHCT QNhon	Lao QNhon	Tâm thần QNhon	Mắt Gia Lai	Quy Nhon	Tuy Phước	An Nhon	Phù Cát	Phù Mỹ	Hoài Ân
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	9.426	1.600	480	240	140	160	100	350	200	350	220	180	160
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	75.923	8.328	4.741	197	199	887	1.978	4	2.020	2.649	2.888	2.100	1.796
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	60.596	6.271	4.273	161	80	771	709	4	1.910	2.494	2.516	1.649	1.256
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	4.894	329	512	197	-	-	-	235	85	68	218	136	10
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	10.497	1.089	587	3	3	39	325	404	200	266	201	138	152
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	23.598	2.689	1.785	93	84	159	1.584	1	888	1.091	1.193	846	538
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	3.002	114	196	-	2	-	28	17	81	172	131	173	218
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		536	108	132	-	2	-	25	-	-	-	-	-	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	2.464	4	64	-	-	-	3	17	81	172	131	173	218
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	10.570	1.842	620	436	56	73	428	284	278	270	241	199	134
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	9.789	1.774	588	420	54	72	286	279	275	256	237	185	133
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	1.182	297	34	436	-	33	-	12	47	25	43	37	10
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	2.056	284	120	5	1	7	2	63	25	58	33	23	29
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	4.140	1.392	257	203	36	12	322	75	111	87	113	80	48
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	476	51	34	1	4	1	4	8	4	27	11	40	2
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		103	30	10		-	-	4	-	-	-	-	-	-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	356	4	24	1	4	1	-	8	4	27	11	40	2
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	58.870	13.328	3.392	2.219	546	1.129	441	2	889	1.648	1.628	1.843	689
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	10.589	1.842	610	152	54	64	1.522	348	143	296	260	212	113
6.1	Số điều trị khỏi	"	3.527	821	373	-	7	-	4	147	61	145	79	68	83
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	12.553	864	180	141	42	63	7.610	181	77	124	166	100	26
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	414	116	19	10	1	-	20	12	1	18	3	7	2
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	1.000	40	37	1	4	1	751	8	4	9	12	37	2
6.5	Số tử vong	"	759	1	-	-	-	-	751	-	-	-	-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	69	-	-	-	-	-	69	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	39.896	6.148	4.121	76	141	816	8	3	1.845	1.909	2.317	2.098	1.662
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	1.076	158	40	21	-	2	-	10	-	3	19	-	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	249.210	30.740	24.726	581	987	22.848	-	42	22.919	24.979	32.980	10.490	-
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	6.659	2.982	280	260	-	56	237	162	-	25	113	-	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	224.193	118.332	7.336	285	633	136	218	6	1.218	2.542	1.065	2.550	1.453
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	127.860	90.774	3.794	285	406	135	-	3	515	836	425	619	310
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	14.879	1.805	1.162	30	170	17	-	890	515	318	509	215	207
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	4.112	1.253	339	21	59	10		185	69	42	96	48	37
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	2.455	1.012	224	-	11	-		55	-	18	-	-	-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	1.433	846	147	-	10	-		41	-	18	-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	19.119	2.308	956	8	18	13		740	235	453	360	244	176
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	5.030	1.479	309	8	15	13		172	49	94	123	72	58
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	6.237	1.022	570	24	7	133		335	91	221	359	323	-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	2.848	840	278	24	4	91		108	37	133	158	100	-

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Hoài Nhơn	Tây Sơn	Vân Canh	An Lão	Vinh Thạnh	Hoà Bình	Bình Định	Thu Phúc	Mắt SG- Quy Nhơn	BVĐK GL	Nhi GL	YDCT Pleiku	Lao&B P Pleiku	Tâm TK Pleiku
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	180	250	60	60	130	90	335	55	21	1.000	350	130	70	80
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	1.394	2.125	452	410	1.013	1.872	3.574	637	561	4.611	1.256	196	40	311
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	1.363	1.798	393	360	913	1.814	2.278	563	433	3.994	950	190	26	276
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	112	220	67	10	13	72	33	17	-	141	-	196	-	-
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	174	92	65	56	87	110	662	43	91	37	1.226	1	3	16
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	552	901	138	128	306	555	403	177	274	1.892	-	111	14	81
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	111	100	24	38	52	47	12	6	-	183	35	3	-	-
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-	-	-	-	-	-		-	158	31	-	-	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	111	100	24	38	52	47	12	6	-	25	4	3	-	-
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	183	305	61	48	107	50	326	2	146	728	363	54	52	68
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	178	293	58	48	105	45	287	2	145	637	330	53	49	68
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	24	24	3	5	5	5	-		-	15	-	54	-	-
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	13	9	3	5	26	1	92		-	20	354	-	1	2
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	83	149	18	18	60	11	39	1	127	228	-	32	16	2
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	10	19	6	6	11	1	14		-	30	5	2	4	1
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-	-	-	-	-	-		-	18	5	-	3	-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	10	19	6	6	11	1	14		-	12	-	2	1	1
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	974	904	172	81	713	617	1.404	8	146	4.849	2.511	1.320	267	1.712
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	57	173	45	37	110	74	275	4	146	746	347	73	21	10
6.1	Số điều trị khỏi	"	23	46	12	11	53	16	150	2	145	116	214	-	-	-
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	26	100	27	21	45	57	118	2	-	574	116	70	18	9
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	7	7	-	3	1	-	7		1	40	11	2	1	1
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	1	20	6	2	11	1	-		-	13	6	1	2	-
6.5	Số tử vong	"	-	-	-	-	-	-	-		-	3	-	-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	18	1.836	309	262	843	1.774	2.397	629	415	1.988	-	142	20	296
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	18	18	-	20	8	147	17	17	-	173	-	18	-	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	51	9.180	2.145	3.544	64	617	29.963	7.681	415	5.275	-	384	425	-
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	51	224	-	62	8	147	61	76	-	285	-	384	-	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	2.803	963	495	475	962	4.806	14.263	1.249	580	7.199	2.227	264	406	49
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	706	190	119	85	284	518	3.368	2	580	5.062	1.901	256	366	21
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	425	237	97	95	73	504	862	6	-	783	315	61	29	3
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	58	36	31	10	24	71	175		-	293	199	50	20	3
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	8	-	-	-	-	250	11	-	268	7	-	1	-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	5	-	-	-	-	62		-	136	6	-	1	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	339	115	27	19	148	466	2.194	224	13	1.104	333	9	11	8
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	88	19	10	3	37	34	320	2	13	478	150	9	7	8
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	180	111	20	7	72	242	548	55	10	257	5	34	19	4
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	78	38	11	3	37	46	127	1	10	47	2	34	18	4

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	331	Chư Păh	Chư Prông	Chư Pưh	Chư Sê	Đak Đoa	Đak Pơ	Đức Cơ	Ia Grai	Ia Pa	KBang	Kông Chro	Krông Pa	Mang Yang
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	120	75	65	50	130	105	50	90	70	65	110	65	95	75
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	720	366	577	574	2.193	878	359	1.212	687	446	932	109	1.323	786
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	515	319	492	551	1.958	845	299	1.005	591	376	738	72	1.052	604
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	2	24	108	-	287	135	10	543	167	75	134	-	-	5
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	134	47	100	94	365	128	60	183	88	100	132	18	240	55
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	212	94	145	183	689	248	91	229	148	100	211	11	333	188
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	7	32	32	97	99	111	35	130	58	11	42	13	148	93
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	58	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	7	32	32	97	99	111	35	130	58	11	42	13	90	93
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	58	36	54	76	206	87	73	105	76	40	164	47	135	60
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	55	32	50	68	189	79	73	98	65	39	156	40	127	56
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	1	2	10	-	1	18	1	-	2	1	1	-	13	2
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	15	9	15	33	81	12	29	49	24	14	45	14	41	13
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	15	11	13	7	41	29	19	14	7	10	25	5	22	8
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	2	2	4	8	13	4	-	36	3	2	6	7	23	11
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21	-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	2	2	4	8	13	4	-	36	3	2	6	7	2	11
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	259	228	425	305	1.073	488	308	523	396	149	617	176	550	248
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	56	34	66	68	185	83	47	79	65	31	100		160	60
6.1	Số điều trị khỏi	"	10	10	57	50	6	55	22	1	46	17	50	8	62	41
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	48	23	8	17	166	24	25	78	16	12	43	37	72	16
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	5	1	-	8	7	4	-	-	2	2	5	3	20	2
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	2	-	1	1	6	-	-	-	1	-	1	-	3	1
6.5	Số tử vong	"	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	604	39	12	-	35	16	13	16	-	5	11	2	765	8
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	73	39	12	-	35	7	13	16	-	5	11	2	13	8
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	690	47	-	-	201	80	96	287	-	105	270	7	3.258	44
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	86	47	-	-	201	35	96	287	-	8	20	2	-	44
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	870	147	504	539	972	1.129	248	826	513	371	1.316	9	440	448
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	229	72	124	90	377	148	38	76	181	102	195	6	170	94
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	207	28	63	36	224	196	79	146	81	82	206	-	101	95
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	35	4	8	4	33	19	5	6	18	14	27	-	9	15
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	167	87	87	122	406	134	79	220	82	91	166	18	248	69
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	36	13	7	25	50	24	10	10	14	16	15	9	43	19
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	30	9	16	-	113	3	10	23	1	3	20	-	3	14
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	10	6	3	-	23	1	-	9	1	1	7	-	3	5

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Phú Thiện	TX An Khê	TX Ayun Pa	TP Pleiku	Hoàng Anh GL	Hùng Vương GL	Mắt CN	Mắt SG- GL (*)	CS Chư Păh	CS Chư Sê	CS Chư Prông
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	85	160	180	140	200	300	50	10	30	50	65
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	1.137	1.501	1.173	3.125	4.678	4.675	1.033		218	278	704
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	1.020	1.282	948	2.815	1.974	3.710	804		218	273	690
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	52	48	17	445	-	171	-		-	-	-
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	390	176	145	294	492	771	220		-	41	154
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	234	489	287	992	1.092	577	256		31	99	176
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	96	54	-	135	22	3	6		3	16	16
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-	13	3	6		-	-	-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	96	54	-	135	9	-	-		3	16	16
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	201	202	185	198	508	459	75		15	45	111
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	193	189	155	186	441	410	67		15	42	107
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	-	-	1	12	-	8	-		-	-	-
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	44	40	38	33	162	118	2		-	18	31
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	43	50	31	38	95	84	31		2	9	11
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	2	7	21	5	10	6	-		-	4	4
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-	9	3	-		-	-	-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	2	7	21	5	1	3	-		-	4	4
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	779	955	955	891	2.526	2.548	249		71	253	466
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	136	211	199	118	500	432	81			38	106
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	47	63	40	98	3	227	-			-	38
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	84	133	124	17	485	192	81			33	62
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	7	9	18	3	11	11	-			1	5
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	-	6	2	-	1	2	-		-	3	1
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	1	-	-	-	-	-	-		-	1	-
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	23	4	16	2.743	3.490	21	-		-	-	-
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	23	4	16	36	53	21	-		-	-	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	56	42	482	317	11.864	328	-		-	-	-
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	8	4	16	317	54	21	-		-	-	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	1.078	1.688	1.140	1.699	13.750	21.934	512		131	376	1.038
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	380	285	236	137	4.103	8.478	512		3	60	204
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	146	337	104	514	1.112	1.597	-		-	85	112
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	13	39	17	21	218	452	-		-	12	14
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	36	8	-	110	436	-		-	-	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	-	13	1	-	7	140	-		-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	233	295	207	273	2.072	3.079	180		11	114	158
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	48	80	35	25	303	560	46		2	26	44
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	55	102	10	20	319	762	72		-	-	3
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	27	49	8	3	84	306	72		-	-	1

(*): Đơn vị không báo cáo